

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
“Về việc ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi;
2. Bà Nguyễn Thị Diên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1999; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Trần Công T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Ph, xã N, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới năm 2019, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo chị H trình bày thì do anh chị không cùng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung chị H khai không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 10/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới năm 2019, không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh thống nhất ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung anh Túy khai không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị H xin ly hôn với anh T nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2019. Việc sống chung của anh chị không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nhưng việc anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Công T.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh T không có con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; Về nợ chung: Chị H, anh T khai không nợ ai.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006205 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Công T.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H là nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006205 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Th;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Vũ